

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI KHOA HỌC KINH TẾ VIỆT NAM

(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNV*
ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Economic Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VEA.
4. Biểu tượng của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Khoa học kinh tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng khoa học kinh tế trên phạm vi cả nước.
2. Mục đích của Hội nhằm tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học kinh tế và dịch vụ khoa học kinh tế có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng (logo), tài khoản và cơ quan ngôn luận riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của hội đặt tại: Phòng 1208, Tầng 12, Viện Kinh tế Việt Nam, số nhà 1B, phố Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Email: vietnam.econ.assoc@gmail.com.

3. Hội Khoa học kinh tế Việt Nam là tổ chức thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên đoàn các Hội Khoa học kinh tế Đông Nam Á và Hội Khoa học kinh tế quốc tế.

4. Theo nhu cầu hoạt động, Hội có thể thành lập Văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học kinh tế và ứng dụng khoa học kinh tế ở Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội. Hỗ trợ hội viên đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

2. Tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên và cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

3. Tham gia, phối hợp với cơ quan chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên ngành kinh tế theo quy định của pháp luật; phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học kinh tế phục vụ sản xuất và đời sống theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong nghiên cứu khoa học về kinh tế và ứng dụng kết quả

ngiên cứu khoa học kinh tế ở Việt Nam theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về khoa học kinh tế theo quy định của pháp luật. Trợ giúp hội viên trong nghiên cứu liên kết giữa kinh tế với khoa học công nghệ góp phần phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế.

6. Mở rộng quan hệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân hoạt động cùng lĩnh vực ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm. Tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi thông tin về khoa học kinh tế và đăng tải các công trình khoa học trên tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế. Khuyến khích, động viên hội viên tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học kinh tế ở Việt Nam theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam. Bảo vệ danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực, nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Được gây quỹ Hội trên cơ sở đóng góp hội phí của Hội viên và các nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn và dịch vụ kinh tế theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

4. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.

5. Tổ chức biểu dương, khen thưởng hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học kinh tế; giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các hội viên.

6. Thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật phù hợp với Điều lệ và lĩnh vực hoạt động của Hội, báo cáo việc thành lập tổ chức pháp nhân với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước theo quy định.

8. Được gia nhập các tổ chức quốc tế, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Đồng thời báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội trước khi ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 8. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hội trong quá trình tổ chức các hoạt động của Hội, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, tạp chí, xuất bản, quyền tác giả, quyền liên quan và các quy định pháp luật khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: Hoạt động hàng năm của Hội; tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt; thay đổi địa chỉ trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thành lập Văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

3. Chấp hành sự hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện; biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Hội.

5. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động Hội.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học kinh tế và dịch vụ khoa học kinh tế có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này tán thành Điều lệ Hội Khoa học kinh tế Việt Nam, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội và được Hội xem xét, quyết định kết nạp;

b) Hội viên liên kết: Tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội Khoa học kinh tế Việt Nam, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội, được Hội xem xét, công nhận;

c) Hội viên danh dự: Tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức, nhưng có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội Khoa học kinh tế Việt Nam, được Hội xem xét, công nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Tổ chức có tư cách pháp nhân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học kinh tế và dịch vụ khoa học kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật, có đơn tự nguyện đăng ký tham gia hoạt động Hội. Đại diện hội viên của tổ chức gia nhập Hội phải là công dân Việt Nam có trình độ từ đại học trở lên, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt;

b) Công dân Việt Nam từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ từ đại học, cao đẳng trở lên đã và đang công tác trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học kinh tế và dịch vụ khoa học kinh tế, quản lý khoa học công nghệ, giảng dạy về chuyên ngành kinh tế có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt đều có thể trở thành Hội viên chính thức của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ của Hội, các Nghị quyết Đại hội, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

2. Thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn uy tín và đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Đoàn kết, xây dựng Hội phát triển vững mạnh vì lợi ích chung của Hội, hội viên và của đất nước; xây dựng quan hệ hợp tác, giúp đỡ giữa các hội viên.

4. Hội viên chính thức đóng Hội phí theo quy định của Hội, hội viên danh dự và hội viên liên kết không phải đóng hội phí và có thể vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ hoạt động của Hội.

5. Bảo vệ uy tín của Hội, không được tự ý nhân danh Hội hoặc đại diện Hội trong các quan hệ, giao dịch khi không được Hội phân công, giới thiệu bằng văn bản.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội, Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền của hội viên

1. Hội viên chính thức có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội, đề đạt, phát biểu ý kiến về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Được bảo vệ quyền, lợi ích pháp trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Được dự Đại hội, tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo, Ban Kiểm tra theo quy định của Hội.

3. Được chất vấn về mọi hoạt động của Hội. Được cử tham gia hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ công bố, đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học trên tạp chí của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Được ra khỏi Hội khi đã báo cáo với tổ chức Hội và tự xét thấy không thể tiếp tục tham gia là hội viên.

5. Được giới thiệu công dân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn tham gia làm hội viên và được hội xem xét khen thưởng nếu có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội theo quy định của Hội, Điều lệ và quy định của pháp luật.

6. Được cấp thẻ “Hội viên Hội Khoa học kinh tế Việt Nam”. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể việc ấn hành, cấp phát và quản lý Thẻ hội viên.

7. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 12. Hình thức, thủ tục và thẩm quyền kết nạp, khai trừ, xóa tên hội viên

1. Thủ tục kết nạp hội viên: Tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này muốn gia nhập Hội hoặc hội viên muốn ra khỏi Hội phải làm đơn gửi Văn phòng Hội. Việc kết nạp, xóa tên hội viên do Văn phòng Hội tổng hợp, báo cáo Ban Chấp hành Hội xem xét, trình Chủ tịch Hội quyết định.

2. Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt hoặc bị xóa tên khỏi danh sách hội viên của Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội. Trong trường hợp này, hội viên thông báo chính thức bằng văn bản cho văn phòng Hội trước (01) một tháng và phải nộp lại Thẻ hội viên;

b) Hội viên hoạt động trái với Điều lệ làm ảnh hưởng đến quyền lợi và uy tín của Hội;

c) Hội viên vi phạm pháp luật bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của toà án có hiệu lực pháp luật;

d) Hội viên bị chết, mất tích, tước quyền công dân hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc bị mất tư cách pháp nhân, tuyên bố phá sản;

e) Hội viên không tham gia sinh hoạt hội trong 03 (ba) kỳ liên tiếp, không đóng hội phí trong thời gian từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

3. Hội viên bị khai trừ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội ký.

4. Văn phòng Hội có trách nhiệm đăng tải danh sách hội viên kết nạp mới và thông báo danh sách hội viên bị xóa tên công khai trên Website của Hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày quyết định khai trừ có hiệu lực.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các Ban chuyên môn.
6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội nhiệm kỳ và đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam (sau đây gọi chung là Đại hội) là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Thành phần, số lượng đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành Hội triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên trong Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị. Nội dung của Đại hội bất thường do Ban Chấp hành Hội quyết định.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Xem xét, thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;
- b) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo tài chính của Hội;
- c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);
- d) Quyết định số lượng thành viên Ban Chấp hành, bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;
- đ) Quyết định khen thưởng đối với hội viên của Hội;
- e) Thảo luận và thông qua quyết định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể Hội (nếu có);
- g) Thông qua quyết định gia nhập các tổ chức nghề nghiệp có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội (nếu có);

h) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội;

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Việc lựa chọn hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín tại Đại hội do Đại hội quyết định;

b) Các nghị quyết của Đại hội được biểu quyết thông qua khi được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tán thành. Riêng trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc giải thể Hội thì phải được sự nhất trí của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

5. Báo cáo kết quả Đại hội:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày sau Đại hội, Hội gửi tài liệu báo cáo kết quả Đại hội đến Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành Hội do Đại hội quyết định và bầu trực tiếp tại Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ 01 (một) năm 01 (một) lần. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Hội bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ để giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách của Hội hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội đề nghị. Chương trình, tài liệu hội nghị được gửi cho các ủy viên Ban Chấp hành Hội 05 (năm) ngày trước ngày dự định diễn ra hội nghị.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai và lãnh đạo thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và Điều lệ Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội; xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm và cả nhiệm kỳ của Hội theo nghị quyết Đại hội;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Hội. Xây dựng và ban hành các quy chế của Hội: Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy định về việc kết nạp, khai trừ và xóa tên hội viên; Các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Quyết định số lượng và bầu Ban Thường vụ; bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được

quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức liên quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để góp phần phát triển Hội;

g) Quyết định các vấn đề khác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Các cuộc họp của Ban Chấp hành được xem là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp (họp trực tiếp và trực tuyến). Ban Chấp hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán, thiểu số phục tùng đa số. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì hội nghị. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết họp Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội quyết định;

c) Giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành có thể hội ý, thảo luận, thông qua lấy ý kiến bằng văn bản;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội; ký kết hợp đồng lao động đối với nhân sự Văn phòng, các ban chuyên môn, các đơn vị thuộc Hội (nếu có);

d) Quyết định việc kết nạp, khai trừ và xóa tên hội viên theo quy định do Ban Chấp hành ban hành; khen thưởng, kỷ luật hội viên; xem xét, giải quyết đơn thư

kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Hội, hội viên theo Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành và thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Hội giao.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần. Trường hợp khi cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập họp Ban Thường vụ bất thường để giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách phát sinh hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên trong Ban Thường vụ yêu cầu. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

c) Giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ có thể hội ý, thảo luận, thông qua lấy ý kiến bằng văn bản;

d) Các cuộc họp của Ban Thường vụ được coi là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Thường vụ dự họp (họp trực tiếp và trực tuyến) biểu quyết tán thành. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu do Ban Thường vụ quyết định. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số uỷ viên. Trưởng Ban Kiểm tra phải là uỷ viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội, hoạt động của các tổ chức trực thuộc Hội và hội viên;

b) Kiểm tra tư cách hội viên, kiểm tra hoạt động của hội viên đề trình Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định biểu dương, khen thưởng, đồng thời phát hiện các vi phạm để kịp thời chấn chỉnh;

c) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của các tổ chức thuộc Hội;

d) Tổng hợp, đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội xem xét, giải quyết các tranh chấp, đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và cá nhân, công dân gửi đến có liên quan đến Hội, hội viên và các tổ chức trực thuộc Hội;

đ) Báo cáo kết quả kiểm tra trong các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Đại hội theo quy chế hoạt động của Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các uỷ viên Ban Thường vụ, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật và là chủ tài khoản của Hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội theo nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội và nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; ký ban hành quy chế quản lý và hoạt động của Hội; các nghị quyết, quyết định sau khi đã được Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội thông qua;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

3. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch thường trực Hội thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

4. Phó Chủ tịch Hội

a) Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách một số mặt hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội; Số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội giúp Chủ tịch Hội điều hành các hoạt động của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội và được uỷ quyền điều hành các công việc khi Chủ tịch Hội vắng mặt.

Điều 19. Tổng Thư ký Hội

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu. Nhiệm vụ của Tổng Thư ký do Chủ tịch Hội phân công và điều hành mọi hoạt động thường ngày của Hội và Văn phòng Hội.

2. Tổng Thư ký và các Phó Tổng thư ký Hội có nhiệm vụ: Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành Hội; định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo hoạt động nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội; quản lý tài liệu, tài sản và tài chính của Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội.

3. Tổng Thư ký Hội làm thư ký trong các kỳ họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội.

4. Tổng Thư ký Hội đồng thời kiêm chức vụ Chánh văn phòng Hội.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội

1. Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc của Hội do Tổng Thư ký kiêm nhiệm, có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội và thực hiện các công việc hành chính tổng hợp; thu thập và cung cấp thông tin cho hội viên; phục vụ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Hội.

2. Khi có nhu cầu, Hội có thể thành lập các ban chuyên môn giúp việc do Ban Chấp hành Hội đề xuất để thực hiện các chương trình, dự án, đề án của Hội. Các nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng. Khi cần, Hội có thể mời một số chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tùy theo nhu cầu công tác, Hội có thể thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc và trách nhiệm quản lý, hướng dẫn tổ chức này hoạt động theo quy định của pháp luật. Việc thành lập và bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh lãnh đạo, phê duyệt quy chế hoạt động của các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

4. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Hội, Văn phòng và các ban chuyên môn.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và nghĩa vụ của Hội liên quan đến việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hằng năm của hội viên (nếu có);
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được yêu cầu (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi cho các hoạt động truyền thông;
- Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và các công việc khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội;
- Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về khoa học kinh tế cho hội viên;
- Chi cho các hoạt động thuê trụ sở, văn phòng và các công việc hành chính khác của Hội;
- Chi lương, phụ cấp, khen thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên chuyên trách;
- Các khoản chi khác (nếu có).

2. Tài sản của Hội

a) Tài sản của Hội gồm: Trụ sở, các phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động Hội và các tài sản khác (nếu có).

b) Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo quản và sử dụng tài sản của Hội đúng mục đích, có hiệu quả.

3. Các nguồn tài chính thu từ hoạt động dịch vụ của Hội và các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật phải dành cho hoạt động của Hội, không được chia cho hội viên.

Điều 23. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Ban Chấp hành Hội xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội phù hợp với tình hình cụ thể của Hội và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được thực hiện theo quy định pháp luật, báo cáo trong Hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai theo quy chế tài chính của Hội.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội và quy định của pháp luật.

4. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyết toán tài chính

Hàng năm Hội phải báo cáo quyết toán tài chính theo quy định quản lý tài chính hiện hành của nhà nước gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết toán tài chính của Hội được thực hiện theo năm tài chính và được thông báo tới các hội viên.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên của Hội có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ. Trường hợp gây thiệt hại lớn tới tài sản của Hội thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khoa học kinh tế Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khoa học kinh tế Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ VI (nhiệm kỳ 2021 - 2026) của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam biểu quyết thông qua ngày 16 tháng 04 năm 2021 tại Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học kinh tế Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.